UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1454/QĐ-UBND	*Gia Bình, ngày 25 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Dương, huyện Gia Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH

Căn cứ các luật: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 10/11/2018;

Các nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP về quy hoạch xây dựng;

Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các thông tư của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BX ngày 01/3/2017 Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 về việc ban hành QCVN: 01/2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh: Số 374/2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bắc Ninh; số 624/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; số 05/2021/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Văn bản số 303/UBND-KTHT ngày 26/4/2021 của UBND huyện Gia Bình về việc điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Bình Dương. huyện Gia Bình;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của UBND huyện Gia Bình về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Dương, huyện Gia Bình.

Xét Tờ trình số Tờ trình 71/TTr-UBND ngày 15/4/2022 của UBND xã Bình Dương và Báo cáo thẩm định số 158/BCTĐ-KTHT ngày 22/7/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bình Dương với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch:

1.1. Phạm vi: Trên phạm vi toàn bộ ranh giới địa chính xã Bình Dương, được giới hạn như sau: Phía Bắc giáp xã Thái Bảo; phía Nam giáp xã An Thịnh, huyện Lương Tài; phía Đông giáp xã Cao Đức; phía Tây giáp xã Nhân Thắng.

1.2. Quy mô quy hoạch:

- Quy mô diện tích toàn xã là 688,1 ha.
- Quy mô dân số:

+ Đến năm 2020: Quy mô dân số khoảng 5.902 người;

+ Dự kiến đến năm 2030: Quy mô dân số khoảng 7.260 người.

1.3. Thời hạn lập quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Dương được lập cho giai đoạn đến năm 2030.

2. Lý do và sự cấn thiết phải điều chỉnh: Điều chỉnh và bổ sung quy hoạch một số khu chức năng đã được phê duyệt trong Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới cho phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của địa phương, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt, các dự án đã và đang được đầu tư xây dựng trên địa bàn xã.

3. Mục tiêu:

- Điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất cho phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của địa phương, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng tỉnh, quy hoạch vùng huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với quy chuẩn về quy hoạch, các dự án đã và đang được đầu tư xây dựng, được phê duyệt chủ trương đầu tư.
- Cụ thể hoá quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của huyện Gia Bình nói riêng và của tỉnh Bắc Ninh nói chung, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội gắn với quá trình hiện đại hoá nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phát triển thương mại, dịch vụ.
- Làm tiền đề thuận lợi để triển khai các chương trình, các dự án đầu tư, các điểm dân cư. Đáp ứng nhu cầu về đất ở và dịch vụ cho người dân bị thu hồi đất làm các công trình phúc lợi, tạo đà thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở nông thôn,
- Từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.
- Xây dựng được kế hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, tạo ra một môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan mới phù hợp với sự phát triển chung của khu vực.
- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

4. Tính chất quy hoạch: Xác định xu thế phát triển của xã theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu: Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025 Ban hành theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 374/2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bắc Ninh; QCVN 01-2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch nông thôn hiện hành.

6. Nội dung quy hoạch xây dựng nông thôn mới:

6.1. Phân khu chức năng: Khu trung tâm xã; khu trung tâm văn hóa các thôn, các điểm dân cư cũ (Gia Phú, Phương Độ, Đìa, Bùng) và các điểm dân cư quy hoạch mới phát triển; các khu sản xuất và các khu chức năng (khu sản xuất nông nghiệp, khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ,....); hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp nước, thoát, cấp điện,....).

6.2. Quy hoạch định hướng phát triển không gian toàn xã:

6.2.1. Quy hoạch các điểm dân cư tập trung:

- Theo tính toán đến năm 2030, quy mô quy hoạch diện tích đất ở toàn xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đất ở cho phát triển dân cư tại các thôn trên địa bàn xã và khu công nghiệp Gia Bình II, với tổng diện tích là 22,94 ha. Quy hoạch đất ở trong các điểm dân cư như sau:

- Điểm dân cư số 1: Quy hoạch điểm dân cư vị trí phía Tây Nam thôn Bùng Thượng, với diện tích khoảng 1,57 ha.

- Điểm dân cư số 2: Quy hoạch điểm dân cư vị trí phía Đông Nam thôn Bùng Thượng, với diện tích khoảng 5,23 ha.

- Điểm dân cư số 3: Quy hoạch điểm dân cư vị trí phía Tây thôn Bùng Hạ, với diện tích khoảng 2,8 ha.

- Điểm dân cư số 4: Quy hoạch điểm dân cư vị trí phía Tây thôn Bùng Hạ, với diện tích khoảng 2,12 ha.

- Điểm dân cư số 5: Quy hoạch điểm dân cư vị trí phía Đông Bắc thôn Đìa, với diện tích khoảng 5,97 ha.

- Điểm dân cư số 6: Giữ nguyên theo quy hoạch điểm dân cư vị trí phía Đông thôn Đìa, với diện tích khoảng 0,41 ha.

- Điểm dân cư số 7: Quy hoạch điểm dân cư vị trí phía Tây Bắc thôn Phương Độ, với diện tích khoảng 2,3 ha.

- Điểm dân cư số 8: Quy hoạch điểm dân cư vị trí phía Tây Bắc thôn Phương Độ, với diện tích khoảng 1,47 ha.

- Điểm dân cư số 9: Giữ nguyên theo quy hoạch điểm dân cư vị trí phía Tây Bắc thôn Phương Độ, với diện tích khoảng 1,07 ha.

- Đất ở dự trữ phát triển: Quy hoạch các khu đất ở dự trữ (đấu giá QSDĐ để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng của xã), với tổng diện tích khoảng 12,88 ha.

6.1.2. Quy hoạch mạng lưới các trung tâm:

a) Khu trung tâm xã: Xác định vị trí, quy mô các công trình công cộng của xã đảm bảo theo tiêu chí nông thôn mới. Đề xuất cải tạo, chỉnh trang các công trình hiện có, quy hoạch xây dựng các công trình. Cụ thể như sau:

- Trụ sở làm việc cấp xã, hội trường, công an, quân sự,....: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch, với diện tích khoảng 1,10 ha.

- Trường mầm non trung tâm xã: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch, diện tích khoảng 1,38 ha.

- Sân thể thao: Điều chỉnh vị trí quy hoạch trong khu trung tâm xã, với diện tích khoảng 2,54 ha.

- Khu khuôn viên cây xanh: Điều chỉnh vị trí quy hoạch trong khu trung tâm xã, với diện tích khoảng 1,91 ha.

- Bãi đỗ xe: Quy hoạch trong khu trung tâm xã, với diện tích khoảng 0,94 ha.

- Đất công cộng dự trữ: Quy hoạch trong khu trung tâm xã, với diện tích khoảng 0,59 ha.

b) Khu trung tâm các thôn:

Ngoài các công trình đình, chùa hiện hữu, mỗi thôn được quy hoạch mới các khu trung tâm văn hóa (nhà văn hoá, sân tập thể dục thể thao, bãi đỗ xe, khu cây xanh). Cụ thể:

- Thôn Bùng: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch và mở rộng, diện tích khoảng 2,53 ha.

- Thôn Đìa: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch và mở rộng, diện tích khoảng 2,32 ha.

- Thôn Gia Phú: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch và mở rộng, diện tích khoảng 2,71 ha.

- Thôn Phương Độ: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch và mở rộng, diện tích khoảng 2,66 ha.

c) Quy hoạch các khu vực sản xuất:

- Khu vực sản xuất lúa nước: Định hướng lâu dài sẽ quy hoạch các khu vực trồng lúa. Chọn các giống lúa có năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chọi tốt với sâu bệnh, thời gian canh tác ngắn để đưa vào sản xuất.

- Khu vực nuôi trồng thủy sản: Quy hoạch tại những vùng đất trũng các khu trang trại tập trung để nuôi trồng thủy sản.

d) Quy hoạch các khu đất công cộng và chức năng khác:

- Trường tiểu học: Quy hoạch mới, diện tích khoảng 2,45 ha.

- Trường trung học cơ sở: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch và mở rộng sang trường tiểu học, diện tích khoảng 1,23 ha.

- Trạm y tế xã: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch, với diện tích khoảng 0,41 ha.

- Bưu điện xã: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch, diện tích khoảng 0,02 ha.

- Nghĩa trang liệt sĩ: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch và mở rộng, với diện tích 0,42 ha.

- Công an huyện: Giữ nguyên vị trí theo hiện trạng, với diện tích 0,05 ha.

- Thương mại, dịch vụ: Quy hoạch mới các khu thương mại dịch vụ, với diện tích khoảng 11,44 ha.

- Đất hỗn hợp: Quy hoạch các khu đất hỗ hợp (đất ở, thương mại, dịch vụ,….), với tổng diện tích khoảng 44,45 ha.

- Nhà ở xã hội: Quy hoạch các khu đất nhà ở xã hội, với tổng diện tích khoảng 29,32 ha.

- Dự trữ phát triển: Quy hoạch mới khu đất dự trữ phát triển, với tổng diện tích 12,99 ha.

- Khu công nghiệp: Quy hoạch mới, với diện tích khoảng 48,46 ha (nằm trong khu công nghiệp Gia Bình II, có tổng diện tích quy hoạch khoảng 250 ha).

đ) Quy hoạch cây xanh: Cây xanh được quy hoạch tại các vị trí phù hợp như khu vực trung tâm xã, trung tâm các thôn; khu vực cách ly của khu nghĩa trang, nghĩa địa, khu công nghiệp. Ngoài ra tại các vị trí quy hoạch dân cư mới, cây xanh sẽ được bố trí hợp lý, hiệu quả đảm bảo theo quy định.

6.2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.2.1.Quy hoạch giao thông :

a) Giao thông đối ngoại:

a) Giao thông đối ngoại:

- Tuyến QL17 (Đ-1): 42 m (8,0+10,5 + 5,0 + 10,5 + 8,0).

- ĐT 285B (Đ-4): 56,5 m: (6,0+7,5+2,0+11,25+3,0+11,25+2,0+7,5+6,0).

b) Giao thông đối nội:

- Đ-2: 41 m (5,5+12,0 + 6,0 + 12,0 + 5,5).

- Đ-3: 36 m (6,0+10,5 + 3,0 + 10,5 + 6,0).

- Đ-5: 25 m (5,0+15,0 + 5,0).

- Đ-6: 20,5 m (5,0+10,5 + 5,0).

- Đ-7: 40 m (8,0+10,5 + 3,0 + 10,5 + 8,0).

- Đ-8: 14,5-17,5 m ((3,5-5,0)+7,5 + (3,5-5,0)).

- Các trục đường chính trong khu ở cũ chỉnh trang đảm bảo mặt cắt ngang (6,0 – 10,0) m.

- Các tuyến đường chính nội đồng phải được cứng hóa, mặt cắt ngang ≥ 5 m, bờ thửa (1,5-2,0) m.

- Đ-11: 22,5 m (6,0+10,5 + 6,0).

- Đ-11: 18,5 m (4,0+10,5 + 4,0).

6.3.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) Cốt cao độ: Theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy hoạch vùng huyện và bản đồ địa chính năm 2019 đã được phê duyệt, tuy nhiên khi lập quy hoạch chi tiết phải khảo sát và căn cứ vào cao độ hiện trạng khu vực, đồng thời cần cập nhật cao độ các dự án đã cấp để tránh chồng lấn và chênh nhau về cao độ san nền.

b) San nền: Quy hoạch san nền phải đảm bảo yêu cầu đảm bảo thoát nước tốt trong quá trình đưa công trình vào sử dụng; tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp, giữ nguyên lớp đất mầu; san nền theo nguyên tắc nước mặt có thể thoát tự chảy từ trong các lô đất ra bên ngoài.

c) Quy hoạch thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa của xã tận dụng địa hình tự nhiên. Toàn bộ nước mặt được thu bằng hệ thống cống BTCT, cống tròn hoặc cống hộp được bố trí ở hè của các tuyến đường rồi được thoát ra hệ thống kênh tiêu thuỷ lợi và hệ thống ao hồ của xã.

6.3.3. Quy hoạch cấp nước: Nguồn nước lấy từ nhà máy nước sạch ở xã Cao Đức để cung cấp cho toàn bộ các khu vực trong xã, đáp ứng với chỉ tiêu cấp nước 100lít/người/ng.đ. Hệ thống đường ống cấp nước mạng chính theo mạng vòng, mạng nhánh theo mạng cụt..

6.3.4. Quy hoạch cấp điện: Hiện trạng hệ thống cấp điện của xã do điện lực Bắc Ninh quản lý về công suất đáp ứng đủ điện đã được bán đến từng hộ dân. Nhưng do hệ thống điện các thôn của xã được đầu tư từ lâu, lưới điện đã xuống cấp do đó cần phải đầu tư xây dựng cải tạo lại hệ thống mạng điện cũ, dần ngầm hóa để đảm bảo nhu cầu phụ tải tăng. Quy hoạch hệ thống cấp điện cho toàn xã đến năm 2030 với tổng công suất thiết kế P=11.470 KVA. Xây dựng thêm 18 trạm biến áp tại các khu quy hoạch mới, khu dân cư, khu trung tâm xã.

6.3.5. Quy hoạch thoát nước:

- Đối với khu vực làng xóm cũ: Đây là vấn đề khá phức tạp do lịch sử để lại, hầu hết các tuyến đường rất chật hẹp, hệ thống thoát nước chỉ là tự chảy hoặc các rãnh nhỏ thu nước đổ ra các kênh mương, ao hồ tự nhiên. Do vậy trong các khu dân cư hiện hữu cần phải nghiên cứu đầu tư kinh phí lập riêng dự án xây dựng hệ thống thoát nước.

- Đối với các khu ở mới: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng (trong khu dự án hệ thống thoát nước mưa và nước thải được thiết kế riêng) bằng các hệ thống cống, rãnh thu nước đổ ra hệ thống cống BTCT đặt ngầm dưới hè các tuyến đường.

- Nước thải trong khu vực bao gồm 2 loại: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Nước thải sản xuất được xử lý riêng; nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép được thoát nước vào hệ thống thoát nước chung.

- Tỷ lệ thu gom nước thải tối thiểu đạt 80% lượng nước cấp;

- Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt phải phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hiện hành.

6.3.6. Quy hoạch chất thải và vệ sinh môi trường:

- Rác thải: Rác thải được thu gom tại các thôn sau đó chuyển đến khu xử lý rác thải chung của huyện tại xã Cao Đức.

- Nghĩa trang: Giữ nguyên theo quy hoạch các khu nghĩa trang hiện có nằm rải rác ở các thôn, mở rộng một số khu để đáp ứng nhu cầu di chuyển các ngôi mộ trong khu công nghiệp, sau đó được cải tạo, chỉnh trang thành các khu khuôn viên cây xanh đảm bảo cảnh quan và môi trường. Lâu dài sẽ sử dụng khu nghĩa trang tập trung của huyện ở xã Đại Bái sau khi được xây dựng và đi vào hoạt động..

- Đánh giá tác động môi trường: Chi tiết thống nhất theo bản vẽ và thuyết minh phần vệ sinh môi trường và đánh giá tác động môi trường.

6.3.7. Quy hoạch các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất:

- Hệ thống công trình tưới tiêu: Trên địa bàn xã hiện có một số trạm bơm phục vụ cho việc tưới tiêu cho toàn bộ xã. Hệ thống kênh mương tưới tiêu đã một phần được kiên cố hóa. Quy hoạch thêm một số tuyến kênh tưới để thuận tiện cho việc sản xuất và kiên cố hóa, cứng hóa một số tuyến kênh tưới tiêu kết hợp để đảm bảm tiêu thoát nước về mùa mưa và tưới về mùa khô.

- Hệ thống giao thông nội đồng: Một số tuyến đã được cứng hóa bằng bê tông xi măng. Tiếp tục đầu tư kinh phí để cứng hoá các tuyến đường nội đồng còn lại, đồng thời xây dựng thêm hệ thống kênh tưới tiêu dọc theo các tuyến đường nội đồng với mặt cắt ngang các tuyến đường nội đồng chính ≥5,0 m, bờ thửa (1,5-2,0) m.

7. Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất: Theo quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch: Được ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

9. Các chương trình, dự án ưu tiên, nguồn lực và lộ trình thực hiện:

9.1. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

- Chương trình phát triển phát triển nhà ở.

- Chương trình xây dựng xã nông thôn nâng cao, kiểu mẫu.

9.2. Các dự án chiến lược ưu tiên:

- Hệ thống hạ tầng cơ sở:

+ Đầu tư xây dựng các công trình giáo dục, nhà văn hóa xã, trung tâm văn hóa các thôn.

+ Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống các công trình giao thông, thủy lợi, cấp nước, cấp điện, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang.

+ Đầu tư xây dựng các công trình thể dục, thể thao, khu khuôn viên cây xanh tại khu trung tâm xã.

- Hệ thống hạ tầng kinh tế:

+ Phát triển dự án khu công nghiệp theo quy hoạch vùng huyện.

+ Thu hút đầu tư các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Thu hút đầu tư các dự án thương mại dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí,...

9.3. Nguồn lực thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước đối với công trình hạ tầng thiết yếu, thu hút nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào các dự án xã hội hóa, hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật.

9.4. Lộ trình thực hiện:

- Giai đoạn 2021 - 2025: Rà soát, lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết trung tâm xã theo quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt; lập quy hoạch chi tiết các khu nhà ở và các khu chức năng, lập kế hoạch, lộ trình xác định danh mục ưu tiên và đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu; thu hút đầu tư xây dựng vào các dự án trọng điểm, các dự án đấu giá đất tạo vốn đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã.

- Giai đoạn 2025 - 2030: Tiếp tục đầu tư xây dựng các dự án về hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo hướng phát triển bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Dương được phê duyệt:

1. Giao UBND xã Bình Dương có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức công bố, công khai và cắm mốc giới đồ án quy hoạch được phê duyệt đảm bảo theo quy định của pháp luật; quản lý quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt; xác định các dự án theo thứ tự cần ưu tiên để đầu tư xây dựng trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Giao các Phòng: Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên & MT, Phòng Nông nghiệp & PTNN huyện có trách nhiệm theo dõi việc quản lý quy hoạch xây dựng xã Bình Dương theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng HĐND - UBND huyện; Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên & MT, Phòng Nông nghiệp & PTNN huyện; các nghành có liên quan; UBND xã Bình Dương căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng Bắc Ninh;
- TT Huyện Uỷ, HĐND huyện; (B/c)
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT.

TM.UBND HUYỆN GIA BÌNH
CHỦ TỊCH

Đặng Đình mạch